

Số: **6319 /BCT-KH**
V/v trả lời chất vấn của
Đại biểu Quốc hội Lê Bộ Lĩnh

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2015

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Kính gửi:

CÔNG VĂN ĐẾN

Giữ 28/6 ..

Kính chuyên: V. Bộ Lĩnh

- Đại biểu Lê Bộ Lĩnh,
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh An Giang;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh An Giang.

Ngày 15 tháng 6 năm 2015, Văn phòng Quốc hội có Văn bản số 116/PC-VPQH gửi đến Bộ Công Thương chất vấn của Đại biểu với nội dung như sau:

1. Xin Bộ trưởng cho biết lộ trình cụ thể thực hiện việc xây dựng hạ tầng cấp điện cho các trạm bơm điện vừa và nhỏ ở 13 tỉnh vùng Đồng bằng Sông Cửu Long? Hướng giải quyết đối với các trường hợp người dân đã ứng tiền đầu tư xây dựng các trạm hạ áp và đường cấp điện cho các trạm bơm?

2. Xin Bộ trưởng cho biết tại sao công nghiệp và công nghệ sau thu hoạch của Việt Nam phát triển chậm và yếu? Định hướng và giải pháp thúc đẩy phát triển lĩnh vực này?

3. Bộ trưởng đánh giá như thế nào về thực trạng mất cân bằng thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc? Dự báo xu hướng khi chúng ta hội nhập kinh tế quốc tế sâu và toàn diện trong thời gian tới? Các chính sách và giải pháp nhằm hạn chế tác động tiêu cực đối với nền kinh tế nước ta?

Bộ Công Thương xin được trả lời Đại biểu về các vấn đề này như sau:

1. Về vấn đề thứ nhất

a) Về lộ trình cụ thể thực hiện việc xây dựng hạ tầng cấp điện cho các trạm bơm điện vừa và nhỏ ở 13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long

Các công trình đầu tư kết cấu hạ tầng cấp điện cho các trạm bơm điện quy mô vừa và nhỏ ở 13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020 đã được Bộ Công Thương tổng hợp và đưa vào Dự án cấp điện cho nông thôn của các tỉnh giai đoạn 2015-2020 thuộc “Chương trình Cấp điện nông thôn, miền núi, hải đảo giai đoạn 2013-2020” (Chương trình) theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 783/VPCP-KTN ngày 29 tháng 01 năm 2015 của Văn phòng Chính phủ. Hiện nay, Bộ Công Thương đang trình Thủ tướng Chính phủ (tại Tờ trình số 4926/TTr-BCT ngày 19 tháng 5 năm 2015) để xem xét, phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư của Chương trình và sắp xếp, bố trí nguồn vốn trung hạn giai đoạn 2016-2020 cho cả Chương trình.

Như vậy, việc triển khai đầu tư xây dựng các công trình cấp điện cho các trạm bơm điện quy mô vừa và nhỏ của khu vực đồng bằng Sông Cửu Long được lồng ghép với việc đầu tư Dự án cấp điện nông thôn của các tỉnh trong giai đoạn

2015-2020 (Dự án). Trên cơ sở đó, căn cứ nhu cầu đầu tư của các danh mục công trình của Dự án, Ủy ban nhân dân các tỉnh phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam sắp xếp thứ tự ưu tiên để thực hiện đầu tư các công trình thuộc dự án cấp điện nông thôn của Tỉnh phù hợp với nguồn ngân sách Trung ương cấp hàng năm, hoặc ODA (nếu có) trong giai đoạn 2016-2020.

b) Về hướng giải quyết đối với trường hợp người dân đã ứng tiền đầu tư xây dựng các trạm hạ áp và đường cấp điện cho các trạm bơm

Căn cứ theo Thông tư liên tịch số 32/2013/ITLT-BCT-BTC ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Liên Bộ Công Thương – Tài chính về việc hướng dẫn giao, nhận và hoàn trả vốn đầu tư tài sản lưới điện hạ áp nông thôn, tại Điều 5 và Điều 6 của Thông tư nêu trên có quy định rõ về việc xác định cơ cấu các nguồn vốn xây dựng công trình lưới điện hạ áp nông thôn, nguồn vốn hoàn trả và phương thức hoàn trả vốn. Người dân đã ứng tiền đầu tư có thể căn cứ theo các hướng dẫn cụ thể về trình tự, hồ sơ quy định tại Thông tư liên tịch số 32/2013/TTLT-BCT-BTC nêu trên để đăng ký thủ tục hoàn vốn theo quy định hiện hành của pháp luật.

2. Về vấn đề thứ hai

a) Nguyên nhân công nghiệp và công nghệ sau thu hoạch của Việt Nam phát triển chậm và yếu

Trong thời gian qua, công nghiệp sau thu hoạch và chế biến nông sản nước ta đã có một số chuyển biến tích cực. Nhiều công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại đã đưa vào sản xuất góp phần giảm bớt thất thoát sau thu hoạch, tăng giá trị chế biến của các sản phẩm nông sản như lúa gạo với các thiết bị gặt đập liên hợp, các hệ thống sấy, các cụm cơ sở xay xát chế biến gạo; hệ thống các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu áp dụng mô hình tiết kiệm năng lượng; dây chuyền công nghệ thiết bị chế biến hạt điều....

Tuy nhiên sự phát triển của công nghiệp sau thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản của nước ta phát triển vẫn còn chậm và yếu, chưa đáp ứng được nhu cầu của sản xuất nông nghiệp dẫn đến tỷ lệ hao hụt sau thu hoạch còn cao so với các nước trong khu vực và thế giới. Số lượng nông sản được chế biến sâu để gia tăng giá trị còn khiêm tốn. Tình trạng một số loại nông sản khi vào vụ thu hoạch không được bảo quản, chế biến khiến cho người nông dân gặp nhiều khó khăn vẫn còn xảy ra. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này có thể chỉ ra gồm:

- Để hình thành và phát triển bền vững ngành công nghiệp sau thu hoạch, bảo quản và chế biến nông sản cần có nguồn nguyên liệu đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và ổn định về chất lượng; quy trình canh tác phải được kiểm soát về an toàn thực phẩm (đây được coi là khâu quyết định chất lượng, công nghệ và khả năng cạnh tranh của sản phẩm). Thực tế sản xuất nông nghiệp của nước ta hiện nay tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, tự phát vẫn còn diễn ra khá phổ biến. Việc thành công của ngành chế biến lúa gạo, hạt điều,... cho thấy vai trò hết sức quan trọng của việc tổ chức sản xuất hàng hóa.

- Cây trồng manh mún, phân tán, người dân tự quyết định trồng nên dễ thay đổi loại cây trồng (cạnh tranh giữa các loại cây trồng).

- Một số giống cây trồng chưa có sản lượng và chất lượng ổn định.

Đây là các nguyên nhân ảnh hưởng đến áp dụng khoa học công nghệ và đầu tư áp dụng công nghệ sau quy hoạch trong việc trồng, chăm sóc và bảo quản. Nếu tiến hành đầu tư khoa học công nghệ và công nghệ sau thu hoạch trong trường hợp này sẽ làm phân tán, lãng phí nguồn lực và vốn đầu tư.

- Sự kết nối giữa người nông dân, cơ sở chế biến, người kinh doanh, cơ quan quản lý, nhà khoa học chưa thực sự bền vững và hiệu quả.

- Việc cung cấp, phổ biến các thông tin về công nghệ, thị trường tiêu thụ sản phẩm đến các đối tượng liên quan chưa được chú trọng.

- Mặc dù nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, chuyển giao công nghệ sau thu hoạch, bảo quản chế biến nông sản đã được ban hành nhưng vẫn chưa thực sự đáp ứng và giải quyết khó khăn trong thực tế sản xuất.

b) Định hướng và giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp và công nghệ sau thu hoạch

Định hướng thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến

- Tập trung sản xuất sản phẩm/nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến theo hướng sản xuất hàng hóa theo nhu cầu thị trường, do thị trường điều tiết theo quy luật và theo cơ chế thị trường (chỉ sản xuất các loại nguyên liệu/sản phẩm mà thị trường có nhu cầu).

- Nghiên cứu giống phù hợp điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng từng vùng để đem lại sản lượng và chất lượng ổn định.

- Vận động người dân trồng tập trung trên diện rộng với tùy từng loại cây phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng từng vùng.

- Nghiên cứu khoa học công nghệ và công nghệ sau thu hoạch mới, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực sau thu hoạch đối với các nước có thế mạnh về lĩnh vực này, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào công nghệ và thiết bị hiện đại phục vụ công tác sau thu hoạch.

- Đầu tư nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ theo đúng yêu cầu thực tiễn sản xuất - kinh doanh; đẩy mạnh cải tiến công nghệ, cải tiến thiết bị kết hợp nhập khẩu công nghệ mới, thiết bị lõi để tăng cường bảo quản an toàn và chủ động sản xuất các sản phẩm thuộc thế mạnh của Việt Nam (ứng dụng công nghệ sinh học trong công nghiệp chế biến các loại nông sản, lâm sản, thủy sản và thực phẩm đặc sản/truyền thống,...).

- Khai thác triệt để và có hiệu quả các nguồn lực (cơ sở vật chất, trang thiết bị các phòng thí nghiệm trọng điểm, đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật trình độ cao,...) từ các Chương trình, đề án phát triển công nghiệp chế biến đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và đầu tư.

Một số giải pháp thực hiện chính

- Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả quy hoạch đảm bảo sản xuất được các loại sản phẩm/nguyên liệu chế biến theo yêu cầu của thị trường, từng bước loại bỏ việc sản xuất các loại sản phẩm/nguyên liệu mang tính tự phát trong khi không xác định được thị trường tiêu thụ.

- Chủ động nghiên cứu tạo ra hoặc nhập khẩu các giống cây trồng, vật nuôi mới đã xác định có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp và đáp ứng yêu cầu sản xuất - kinh doanh sản phẩm theo thị trường.

- Nhà nước có thể hỗ trợ doanh nghiệp (thông qua chính sách về thuế, đào tạo nhân lực, tiếp nhận và chuyển giao hoặc nhập khẩu công nghệ tiên tiến...) để doanh nghiệp chủ động cải tiến hoặc thay thế công nghệ, thiết bị hiện có để đảm bảo sản xuất được sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm và khả năng cạnh tranh cao.

- Thương vụ của Việt Nam tại các nước cần chủ động giới thiệu sản phẩm và tìm các thị trường tiêu thụ sản phẩm kết hợp xây dựng bền vững thị trường nội địa để tiêu thụ sản phẩm; Đảm bảo sự gắn kết giữa thị trường tiêu thụ với việc cung ứng sản phẩm theo yêu cầu thị trường.

3. Về vấn đề thứ ba

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc trong 5 tháng đầu năm 2015 khoảng 19,8 tỷ USD, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2014 và chiếm khoảng 31% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước.

Xét về cơ cấu mặt hàng thì các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc chủ yếu là máy móc, thiết bị, nguyên phụ liệu đầu vào cho sản xuất, xuất khẩu sang các nước khác (linh kiện điện tử nhập khẩu từ Trung Quốc để sản xuất hàng xuất khẩu đi Hoa Kỳ, Nhật Bản; nguyên phụ liệu dệt may nhập khẩu để gia công, sản xuất hàng xuất khẩu đi Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ,...). Cụ thể, trong 5 tháng đầu năm, những mặt hàng nhập khẩu chủ yếu từ Trung Quốc là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng (3,7 tỷ USD), điện thoại các loại và linh kiện (2,9 tỷ USD); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (1,95 tỷ USD); vải các loại (2,06 tỷ USD),...

Những năm gần đây, các nhà thầu Trung Quốc tham gia vào nhiều gói thầu EPC các dự án lớn tại Việt Nam như xây dựng các nhà máy nhiệt điện, thủy điện, hóa chất, chế biến khoáng sản,... điều này kéo theo kim ngạch nhập khẩu máy móc, thiết bị phục vụ cho các dự án cũng tăng nhanh.

Ngoài việc nhập khẩu từ Trung Quốc, các mặt hàng nêu trên còn có thể được nhập khẩu từ một số thị trường lân cận và cùng phân khúc mặt hàng như Hàn Quốc, Đài Loan (đối với các sản phẩm điện tử), Ấn Độ, Pa-kis-tan (đối với vải và nguyên phụ liệu dệt may, da giày),... Tuy nhiên thời gian qua, Việt Nam vẫn chủ yếu nhập khẩu từ Trung Quốc do vị trí địa lý thuận lợi, lượng hàng hóa của Trung Quốc dồi dào, đa dạng về phẩm cấp và cạnh tranh về giá cả.

Xét trong tổng thể chung của nền kinh tế thì việc nhập khẩu các mặt hàng trên từ Trung Quốc là cần thiết để phục vụ sản xuất, xuất khẩu. Trên thực tế Việt Nam nhập siêu từ Trung Quốc nhưng lại xuất siêu sang các thị trường lớn khác như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản,... Tuy nhiên, trong dài hạn, cần nghiên cứu các biện pháp để phát triển công nghiệp hỗ trợ, phát triển sản xuất trong nước để giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài.

Để thực hiện chủ trương đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa, thời gian qua, Bộ Công Thương đã và đang phối hợp với các Bộ, ngành xúc tiến đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA). Hiện nay, Việt Nam đã ký kết 10 Hiệp định thương mại tự do với các nước và khu vực thị trường. Để được hưởng thuế suất ưu đãi khi xuất khẩu sang các thị trường này, doanh nghiệp phải chú trọng sử dụng nguyên liệu trong nước và trong các nước tham gia Hiệp định. Đây được coi là một động lực thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Bên cạnh những lợi ích xuất khẩu quan trọng như mở cửa thị trường, giảm thuế,... các Hiệp định thương mại tự do cũng sẽ tạo điều kiện nâng cao hiệu quả nhập khẩu, đa dạng hóa nguồn cung, nhất là các nhóm hàng nguyên, phụ liệu phục vụ các ngành sản xuất, xuất khẩu chủ lực như dệt may, giày, dép, điện tử nhập khẩu từ các nước đối tác như Hàn Quốc, Nhật Bản,... đồng thời thu hút đầu tư vào các ngành sản xuất trong nước, phát triển công nghiệp hỗ trợ, qua đó, một mặt giảm phụ thuộc vào nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc, mặt khác góp phần hỗ trợ cải cách, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng xuất khẩu các nhóm hàng giá trị gia tăng cao.

Việc tham gia các FTA cũng sẽ đặt ra nhiều thách thức cho nền kinh tế và thương mại trong nước. Tham gia các FTA, doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải đối mặt với những yêu cầu, tiêu chuẩn cao về chất lượng hàng hóa, chịu sức ép phải tuân thủ các điều khoản quy định về vệ sinh, môi trường, lao động và quy trình công nghệ... Đây vừa là cơ hội để tự nâng cao năng lực, vừa là thách thức đối với doanh nghiệp Việt Nam vì đa số là doanh nghiệp vừa và nhỏ, thiếu công nghệ, vốn và kinh nghiệm sản xuất.

Ngoài ra, vấn đề đặt ra là làm sao để các doanh nghiệp xuất khẩu tận dụng được tối đa các lợi ích mà các FTA này mang lại để đẩy mạnh xuất khẩu, mở rộng thị trường. Hiện nay vẫn còn một số doanh nghiệp xuất khẩu chưa thực sự quan tâm đến các ưu đãi về thuế quan. Sự thiếu quan tâm này làm cho doanh nghiệp mất đi lợi ích về thuế, khả năng cạnh tranh, hàng hóa trên thị trường quốc tế.

Hiện nay, Bộ Công Thương đang chỉ đạo quyết liệt để thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2015.

Song song với việc thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc tế và phát triển công nghiệp hỗ trợ, Bộ Công Thương tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành triển khai việc khuyến khích sử dụng hàng Việt Nam, đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động

“Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”; khuyến khích các doanh nghiệp đa dạng hoá thị trường nhập khẩu, tăng cường tìm kiếm bạn hàng, đối tác nhập khẩu từ các thị trường có cùng phân khúc sản phẩm nhằm giảm dần sự lệ thuộc vào một thị trường chủ yếu.

Bộ Công Thương xin cảm ơn Đại biểu và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh An Giang đã quan tâm đến vấn đề trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm VPCP; ✓
- Các Bộ: TC, KH-CN, NN-PTNT;
- Vụ Công tác đại biểu - Văn phòng Quốc hội;
- Vụ Phục vụ hoạt động giám sát – Văn phòng Quốc hội;
- Lãnh đạo Bộ;
- TCNL; các Cục: XNK, ĐTĐL;
- Các Vụ: KH-CN, TC, KVI, CNN, CNNg;
- Lưu: VT, KH (2b).



Vũ Huy Hoàng